

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng An toàn và Bảo hộ lao động
Tháng 1 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương CN		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công g	XL	Lương	Công g	Lương	Công g	Lương	Công g	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN	Phí ở chung cư			
1	01	Tổ quản lý			126		67.830.000	9	4.799.000	5	2.026.615	12	4.859.617		480.000	79.995.232	5.092.700	955.100	636.900	733.100	330.000	14.400.000		22.147.800	57.847.432	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	11.446.000	21	A	12.915.000	1	615.000	1	440.231	2	880.462			14.850.693	915.700	171.700	114.500	136.500	55.000	3.500.000		4.893.400	9.957.293	
2	HL-00247	Hoàng Thanh	Phó phòng	10.483.000	21	A	10.983.000	2	1.046.000	1	403.192	2	806.385			13.238.577	838.700	157.300	104.900	121.400	55.000	2.200.000		3.477.300	9.761.277	
3	HL-00636	Lê Cảnh Thắng	Phó phòng	10.483.000	21	A	10.983.000	2	1.046.000	1	403.192	2	806.385			13.238.577	838.700	157.300	104.900	121.400	55.000	500.000		1.777.300	11.461.277	
4	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	10.483.000	21	A	10.983.000	2	1.046.000	1	403.192	2	806.385			13.238.577	838.700	157.300	104.900	121.400	55.000	1.800.000		3.077.300	10.161.277	
5	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	10.483.000	21	A	10.983.000	2	1.046.000			2	806.385			12.835.385	838.700	157.300	104.900	117.300	55.000	3.000.000		4.273.200	8.562.185	
6	HL-00877	Đậu Anh Tú	Phó phòng	9.797.000	21	A	10.983.000			1	376.808	2	753.615		480.000	12.593.423	822.200	154.200	102.800	115.100	55.000	3.400.000		4.649.300	7.944.123	
2	08	Tổ chuyên viên			84		28.782.565	3	1.014.000	2	475.692	8	1.902.768	63.375		32.238.401	1.979.200	371.200	247.600	296.400	220.000	2.700.000		5.814.400	26.424.001	
7	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	6.184.000	21	A	7.293.283	3	1.014.000	1	237.846	2	475.692			9.020.821	494.800	92.800	61.900	83.700	55.000	700.000		1.488.200	7.532.621	
8	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	6.184.000	21	A	7.293.283					2	475.692			7.768.975	494.800	92.800	61.900	71.200	55.000			775.700	6.993.275	
9	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	6.184.000	21	A	7.098.000			1	237.846	2	475.692			7.811.538	494.800	92.800	61.900	71.600	55.000	1.000.000		1.776.100	6.035.438	
10	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	6.184.000	21	A	7.098.000					2	475.692	63.375		7.637.067	494.800	92.800	61.900	69.900	55.000	1.000.000		1.774.400	5.862.667	
3	10	Tổ giám sát an toàn			201		76.301.435	26	9.332.000	15	3.437.462	20	4.496.462			93.567.359	4.677.100	877.300	584.900	874.400	550.000	8.700.000	1.379.000	17.642.700	75.924.659	
11	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	6.184.000	18	A	6.876.524	3	1.014.000	1	237.846	2	475.692			8.604.062	494.800	92.800	61.900	79.500	55.000	1.000.000	223.000	2.007.000	6.597.062	
12	HL-05671	Nguyễn Văn Huy	Giám sát AT HL	5.609.000	21	A	7.293.283	3	1.014.000	1	215.731	2	431.462			8.954.476	448.800	84.200	56.100	83.700	55.000	1.000.000		1.727.800	7.226.676	
13	HL-07081	Nguyễn Ngọc Hải	Giám sát AT HL	6.184.000	15	A	5.469.962	3	1.014.000	7	1.664.923	2	475.692			8.624.577	494.800	92.800	61.900	79.800	55.000		253.000	1.037.300	7.587.277	
14	HL-01392	Đỗ Văn Hường	Giám sát AT HL	6.184.000	21	A	8.751.939	2	812.000	1	237.846	2	475.692			10.277.477	494.800	92.800	61.900	96.300	55.000			800.800	9.476.677	
15	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	6.184.000	21	A	8.751.939	3	1.218.000	1	237.846	2	475.692			10.683.477	494.800	92.800	61.900	100.300	55.000	1.500.000	301.000	2.605.800	8.077.677	
16	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	5.609.000	21	A	8.751.939	3	1.218.000	1	215.731	2	431.462			10.617.132	448.800	84.200	56.100	100.300	55.000	1.800.000		2.544.400	8.072.732	
17	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	5.609.000	21	A	7.293.283	3	1.014.000	1	215.731	2	431.462			8.954.476	448.800	84.200	56.100	83.700	55.000	700.000		1.427.800	7.526.676	
18	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	6.184.000	21	A	7.293.283	3	1.014.000			2	475.692			8.782.975	494.800	92.800	61.900	81.300	55.000	700.000	301.000	1.786.800	6.996.175	
19	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	5.098.000	21	A	8.526.000			1	196.077	2	392.154			9.114.231	407.900	76.500	51.000	85.800	55.000	1.000.000	301.000	1.977.200	7.137.031	
20	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	5.609.000	21	A	7.293.283	3	1.014.000	1	215.731	2	431.462			8.954.476	448.800	84.200	56.100	83.700	55.000	1.000.000		1.727.800	7.226.676	
Tổng cộng					411		172.914.000	38	15.145.000	22	5.939.769	40	11.258.847	63.375	480.000	205.800.992	11.749.000	2.203.600	1.469.400	1.903.900	1.100.000	25.800.000	1.379.000	45.604.900	160.196.092	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 2 năm 2022
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCNS

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng